

**CÔNG TY TNHH MTV
XUẤT NHẬP KHẨU 2-9 ĐẮK LẮK**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk là Công ty TNHH một thành viên được thành lập bởi Tỉnh ủy Đắk Lắk theo Quyết định số 146-QĐ ngày 24 tháng 03 năm 2006. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000234538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2006. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 11 năm 2024.

Vốn điều lệ: 315.194.865.958 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 30/09/2024: 315.194.865.958 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 23, đường Ngô Quyền, Phường Thành Công, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0262) 3950017 - 3950011
- Fax: (0262) 3950015 - 3950011
- Website: www.simexcodl.com.vn
- Email: info@simexcodl.com.vn

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán nội địa, xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng cà phê, tiêu, nông sản;
- Gia công chế biến các mặt hàng nông sản;
- Mua bán vật tư nông nghiệp, phân bón;
- Mua bán, sản xuất cà phê bột, cà phê túi lọc, cà phê hòa tan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ đóng hàng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch lữ hành;
- Tổ chức sự kiện, dịch vụ quảng cáo;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe du lịch;
- Cho thuê văn phòng làm việc, mặt bằng kinh doanh, không gian để quảng cáo;
- Dịch vụ massage, karaoke;
- Mua bán và sản xuất rượu, nước uống đóng chai.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này gồm có:



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng thành viên

- | | | |
|---------------------------|------------|--|
| • Ông Lê Đức Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/11/2024 |
| • Ông Lê Tiến Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 06/08/2021
Miễn nhiệm ngày 01/11/2024 |
| • Ông Nguyễn Văn Cửu | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 06/08/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Việt Châu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/08/2021 |
| • Ông Lê Thanh Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/11/2023 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Văn Hùng | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 06/08/2024 |
|-------------------|------------|------------------------------|

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Đức Huy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/08/2021 |
| • Ông Nguyễn Văn Cửu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 06/08/2021 |
| • Ông Thái Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/08/2021 |
| • Ông Phan Xuân Chung | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 06/08/2021 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

- | | | |
|--------------------|----------|--|
| • Ông Lê Đức Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/11/2024 |
| • Ông Lê Tiến Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 06/08/2021
Miễn nhiệm ngày 01/11/2024 |

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam (Trụ sở chính: Tầng 19, Khu văn phòng Tòa nhà Indochina, Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở tại Thành phố Đà Nẵng: số 270 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (+84) 236.3691789; Fax: (+84) 236.3691188; Website: avnaudit.vn).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Huy

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 08 tháng 11 năm 2024



Số: 147/2024/BCKT-TC-AVN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc, được lập ngày 08 tháng 11 năm 2024, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



Nguyễn Thị Bình

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3387-2020-231-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2024

Phạm Trần Hòa

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4903-2024-231-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu số B01-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/10/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		959.149.809.066	586.920.969.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.216.082.196	21.055.184.044
1. Tiền	111	5.1	7.216.082.196	21.055.184.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.250.000.000	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.a	5.250.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		327.342.309.242	104.555.969.815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	313.952.169.538	87.897.998.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.211.950.180	2.581.690.457
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.a	9.178.189.524	15.096.345.359
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	-	(1.020.064.769)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	611.421.665.359	446.192.032.421
1. Hàng tồn kho	141		611.421.665.359	449.452.681.421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.260.649.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.919.752.269	10.117.783.141
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.a	1.376.779.930	3.039.630.830
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.542.972.339	7.078.152.311
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.916.995.774	88.716.183.886
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		250.000.000	20.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5.b	250.000.000	20.000.000
II. Tài sản cố định	220		62.882.581.638	47.286.852.855
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	59.405.315.584	43.376.325.381
- Nguyên giá	222		230.735.750.581	206.196.697.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.330.434.997)	(162.820.372.568)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.477.266.054	3.910.527.474
- Nguyên giá	228		11.338.487.901	11.229.287.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.861.221.847)	(7.318.760.427)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	-	-
- Nguyên giá	231		1.354.402.661	1.354.402.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.354.402.661)	(1.354.402.661)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		405.518.519	13.818.258.958
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	405.518.519	13.818.258.958
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.827.938.000	16.827.938.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2.b	16.827.938.000	16.827.938.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.550.957.617	10.763.134.073
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.b	10.550.957.617	10.763.134.073
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.050.066.804.840	675.637.153.307



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/10/2023 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		599.238.687.834	262.069.799.702
I. Nợ ngắn hạn	310		590.022.412.562	251.915.357.763
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	17.025.175.581	8.822.381.721
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	20.654.852.955	12.502.516.858
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	13.297.958.747	12.403.692.671
4. Phải trả người lao động	314		38.671.775.035	39.686.180.784
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.154.481.280	1.865.873.772
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	281.414.817	453.468.233
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.a	23.051.143.384	20.591.162.951
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	453.234.834.784	131.777.370.500
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.20	10.170.000.000	9.600.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.480.775.979	14.212.710.273
II. Nợ dài hạn	330		9.216.275.272	10.154.441.939
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18.b	177.500.000	163.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.21	9.038.775.272	9.991.441.939
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		450.828.117.006	413.567.353.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	450.828.117.006	413.567.353.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		315.194.865.958	315.194.865.958
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.498.301.690	29.980.793.422
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.134.949.358	68.391.694.225
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		85.134.949.358	68.391.694.225
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.050.066.804.840	675.637.153.307

Triệu Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

Phan Xuân Chung
Kế toán trưởng

Lê Đức Huy
Tổng Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 08 tháng 11 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024

Mẫu số B02-DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.407.260.201.801	6.849.646.846.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.292.656.480	17.262.320.698
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		9.400.967.545.321	6.832.384.526.058
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	8.712.405.146.703	6.399.164.975.118
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		688.562.398.618	433.219.550.940
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	108.507.559.016	146.064.841.936
7. Chi phí tài chính	22	6.5	470.428.183.044	205.718.872.379
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		79.797.345.609	64.392.730.276
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	258.495.518.983	239.581.284.514
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	41.336.388.698	42.849.805.845
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.809.866.909	91.134.430.138
11. Thu nhập khác	31	6.8	77.228.402.771	928.672.977
12. Chi phí khác	32	6.9	141.673.539	5.267.796.406
13. Lợi nhuận khác	40		77.086.729.232	(4.339.123.429)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		103.896.596.141	86.795.306.709
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	18.761.646.783	18.403.612.484
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		85.134.949.358	68.391.694.225

(Signature)

(Signature)



Triệu Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

Phan Xuân Chung
Kế toán trưởng

Lê Đức Huy
Tổng Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 08 tháng 11 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03-DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		103.896.596.141	86.795.306.709
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT	02	5.9, 5.10	11.157.266.405	10.530.290.310
- Các khoản dự phòng	03	5.6, 5.20	(3.710.713.769)	(18.509.990.479)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.5	2.348.269.983	2.505.000.572
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.4, 6.8	(16.874.443.642)	(5.896.783.706)
- Chi phí lãi vay	06	6.5	79.797.345.609	64.392.730.276
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	5.000.000.000
3. Lợi nhuận từ HĐ KD trước thay đổi vốn lưu động	08		176.614.320.727	144.816.553.682
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(223.428.283.272)	158.114.004.996
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(161.968.983.938)	(76.919.171.760)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		24.046.222.842	(8.907.043.873)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.875.027.356	1.901.061.994
- Tiền lãi vay đã trả	14		(79.378.918.961)	(64.057.717.953)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.15	(17.400.271.464)	(17.616.240.017)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.364.280.000	1.824.549.750
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(22.394.930.961)	(20.935.065.554)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(300.671.537.671)	118.220.931.265
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(13.340.254.749)	(23.163.720.338)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	6.8	37.500.000	364.090.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.050.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		7.800.000.000	15.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.976.867.328	5.484.083.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.424.112.579	(17.315.545.557)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.19	8.069.974.467.397	5.356.566.073.934
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.19	(7.749.027.638.243)	(5.429.877.870.579)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.528.135.957)	(37.101.444.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		283.418.693.197	(110.413.241.295)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.828.731.895)	(9.507.855.587)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.055.184.044	30.619.886.058
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.369.953)	(56.846.427)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			7.216.082.196	21.055.184.044



Triệu Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

Phan Xuân Chung
Kế toán trưởng

Lê Đức Huy
Tổng Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 08 tháng 11 năm 2024